TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ GIÁO
TỈNH BÌNH DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 01/2018/KDTM-ST
Ngày 23-01-2018
V/v tranh chấp hợp đồng mua bán và thi công lắp đặt thiết bị chế biến Tiêu

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ GIÁO, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hiên.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Lê Thị Thuỳ Vân;

Ông Kim Niệm.

- Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Văn Mạnh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Giáo.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Phú Giáo tham gia phiên tòa: Ông Trịnh Đình Phượng - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 01 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 14/2017/TLST-KDTM ngày 23 tháng 6 năm 2017 về tranh chấp hợp đồng mua bán và thi công lắp đặt thiết bị chế biến Tiêu, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2017/QĐXXST-KDTM ngày 15/12/2017, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Công ty V;

Trụ sở chính: Lô A7 - A10 cụm công nghiệp D, huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hoà.

Đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn H, chức vụ: Chủ tịch hội đồng quản trị.

Đại diện theo ủy quyền của ông H: Ông Hà Thanh H1, sinh năm 1990 - Công ty luật TNHH Quốc tế An Phú;

Địa chỉ: P. A, Q. 3, TP. Hồ Chí Minh; Có mặt.

- *Bị đơn:* Công ty B;

Trụ sở chính: Ấp 5, xã T, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương.

Đại diện theo pháp luật: Ông R, sinh năm 1963 - Tổng giám đốc Công ty B; Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, tại bản tự khai và tại phiên tòa nguyên đơn trình bày:

Công ty V và Công ty Ni (nay đổi tên thành Công ty B) có ký kết hợp đồng số: 078/2012/HD ngày 07/7/2012 cung cấp thi công lắp đặt thiết bị chế biến tiêu với giá trị hợp đồng là 5.062.640.000đ. Sau khi lắp đặt các thiết bị theo hợp đồng Công ty Ni đã thanh toán được 4.303.244.000đ, còn nợ lại 759.396.000đ. Công ty V đã nhiều lần yêu cầu Công ty Ni thanh toán hết hợp đồng nhưng đến nay vẫn không thiện chí thanh toán. Nay, Công ty V yêu cầu Toà án buộc Công ty Ni (nay đổi tên thành Công ty B) trả số tiền 1.038.474.000đ, trong đó tiền nợ gốc: 759.396.000đ và tiền lãi chậm thanh toán từ tháng 3/2013 đến tháng 4/2017 là 279.078.000đ. Thời gian còn lại không yêu cầu tính tiền lãi.

Bị đơn là Công ty B - Đại diện theo pháp luật: Ông R – Tổng giám đốc Công ty B đã nhận được Thông báo thụ lý, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai cứng cứ và hòa giải; giấy triệu tập đến Tòa án làm bản tự khai và tham gia phiên họp về việc giao nộp, tiếp cận, công khai cứng cứ và hòa giải đều vắng mặt không có lý do và cũng không cung cấp chứng cứ cho Tòa án.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Phú Giáo tham gia phiên tòa có ý kiến:

Việc tuân theo pháp luật của người tiến hành tố tụng và của đương sự từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay là đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn phải có trách nhiệm trả cho nguyên đơn số tiền nợ gốc là: 759.396.000đ và tiền lãi chậm thanh toán là 279.078.000đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; sau khi Kiểm sát viên phát biểu về việc chấp hành pháp luật tố tụng dân sự của người tiến hành tố tụng và của đương sự, về nội dung vụ án; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do chính đáng nên Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết:

Đây là tranh chấp hợp đồng mua bán và thi công lắp đặt thiết bị chế biến tiêu được quy định tại Điều 30 của Bộ luật Tố tụng dân sự, hiện bị đơn có trụ sở chính tại: Xã T, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương và nguyên đơn có đơn khởi kiện tại Tòa án nhân dân huyện Phú Giáo yêu cầu giải quyết nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phú Giáo theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về thời hiệu khởi kiện:

Đây là hợp đồng mua bán và thi công lắp đặt thiết bị chế biến tiêu thời hạn thanh toán khi thi công xong công trình (nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán cuối cùng ngày 12/11/2013 và biên bản nghiệm thu ngày 28/12/2013). Do bên bị đơn không thanh toán nên ngày 16/6/2017 nguyên đơn nộp đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp. Xét thời hiệu khởi kiện đã hết nhưng không có đương sự nào yêu cầu xem xét thời hiệu khởi kiện nên Toà án vẫn xét xử vụ án theo quy định tại Điều 184 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Về nội dung vụ án:

Nguyên đơn Công ty V (sau đây viết tắt là Công ty V) cho rằng Công ty Ni nay đổi tên thành Công ty B (viết tắt là Công ty B) có ký kết hợp đồng số 078/2012/HD ngày 07/7/2012 cung cấp thi công lắp đặt thiết bị chế biến tiêu với giá trị hợp đồng là 5.062.640.000đ. Sau khi lắp đặt các thiết bị theo như hợp đồng hai bên đã ký kết Công ty B đã thanh toán được 5 đợt tổng cộng 4.303.244.000đ, còn nợ lại 759.396.000đ không thanh toán tiếp. Công ty V đã nhiều lần yêu cầu Công ty B thanh toán hết hợp đồng nhưng vẫn không có thiện chí thanh toán. Nay, Công ty V yêu cầu Toà án buộc Công ty B trả số tiền 1.038.474.000đ, trong đó tiền nợ gốc: 759.396.000đ và tiền lãi chậm thanh toán từ tháng 3/2013 đến tháng 4/2017 là 279.078.000đ.

Xét thấy, quá trình làm việc tại Tòa án và tại phiên tòa hôm nay bị đơn không đến nên HĐXX không xem xét được ý kiến của bị đơn. Vì vậy, HĐXX xem xét các chứng cứ do nguyên đơn cung cấp. Xét Hợp đồng cung cấp: Hệ thống thiết bị chế biến Tiêu, theo hợp đồng số 078/2012/HD ngày 07/7/2012 tại Điều 4 mục 3 có ghi " Hai bên tiến hành chạy thử, nghiệm thu và bàn giao trong vòng 7 ngày kể từ ngày bên bán thông báo lắp đặt hoàn chỉnh. Nếu quá thời gian này mà Bên Mua không tổ chức nghiệm thu thì bên Mua vẫn phải thực hiện khoản thanh toán còn lại của hợp đồng chậm nhất và ngày thứ 15 kể từ ngày Bên Bán thông báo". Như vậy, hai bên không ký biên bản nghiệm thu thì bên bị đơn vẫn phải thanh toán khoản còn lại của hợp đồng và qua các tài liệu chứng cứ thu thập được thể hiện bị đơn còn nợ của nguyên đơn số tiền: 759.396.000đ nên sự việc cung cấp thiết bị chế biên tiêu và thi công lắp đặt thiết bị chế biến tiêu giữa các đương sự là có thật.

Theo biên bản xác minh ngày 03/11/2017 của Toà án nhân dân huyện Phú Giáo tại Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Bình Dương: Công ty Ni đăng ký lần đầu ngày 04/4/2012, đăng ký thay đổi lần thứ nhất ngày 26/7/2016 đổi tên thành Công ty B. Hiện tại, Công ty B vẫn đang tồn tại.

Căn cứ vào quy định tại Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 388, 389, 401, 402, 428, 429, 431 và Điều 438 Bộ luật Dân sự năm 2005. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty V đối với bị đơn Công ty B. Buộc bị đơn phải có trách nhiệm trả cho nguyên đơn số tiền nợ gốc 759.396.000đ.

[5] Về số tiền lãi chậm thanh toán:

Nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền kể từ tháng 3/2013 đến tháng 4/2017 với số tiền 279.078.000đ. Căn cứ vào Điều 306 Luật thương mại năm 2005, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu tính lãi của nguyên đơn là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật nên có cơ sở chấp nhận. Ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn không yêu cầu tính tiền lãi từ tháng 5/2017 đến ngày xét xử sơ thẩm (23/01/2018).

Tổng cộng tiền nợ gốc và lãi bị đơn phải trả cho nguyên đơn là: 1.038.474.000đ (một tỷ không trăm ba mươi tám triệu bốn trăm bảy mươi bốn nghìn đồng).

[7] Xét ý kiến của Viện kiểm sát chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn là phù hợp với chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

[9] Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

Căn cứ khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 267 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Do yêu cầu của nguyên đơn được Toà án chấp nhận nên không phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Bị đơn phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm theo quy định của pháp luật

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào

- Điều 30, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 91, 147, 184, 227, 266, 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

- Các Điều 388, 389, 401, 402, 428, 429, 431 và Điều 438 Bộ luật Dân sự năm 2005;

- Điều 10 Luật Doanh nghiệp năm 2005;

- Các Điều 50, 306 Luật thương mại năm 2005

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty V đối với bị đơn Công ty B về việc "Tranh chấp hợp đồng mua bán và thi công lắp đặt thiết bị chế biến tiêu".

2. Buộc Công ty B có trách nhiệm thanh toán cho Công ty V số tiền 1.038.474.000đ (một tỷ không trăm ba mươi tám triệu bốn trăm bảy mươi bốn nghìn đồng).

Trong đó:

- Số tiền nợ gốc là 759.396.000đ (bảy trăm năm mươi chín triệu ba trăm chín mươi sáu nghìn đồng)

- Số tiền nợ lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán là 279.078.000đ (hai trăm bảy mươi chín triệu không trăm bảy mươi tám nghìn đồng).

3. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

3.1 Công ty B phải nộp số tiền 43.154.000 đồng (bốn mươi ba triệu một trăm năm mươi bốn nghìn đồng).

3.2 Hoàn trả cho Công ty V số tiền 21.580.000đ (hai mươi mốt triệu năm trăm tám mươi nghìn đồng) đã nộp tạm ứng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí lệ phí Tòa án số AA/2016/0007968 ngày 23 tháng 6 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương.

4. Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chưa thi hành xong số tiền thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

5. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày Toà tuyên án. Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

6. Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Phú Giáo;
- Chi cục THADS huyện Phú Giáo;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, VP

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nguyễn Thị Hiên